TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Như phúc

Bản án số: 61/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 14 – 5 – 2025
" V/v Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Mỡn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Lâm Văn Dũng

2/ Ông Lê Văn Lực

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Phước Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long*: *không tham gia phiên tòa*.

Ngày 14 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 37/2025/TLST – HNGĐ ngày 13/02/2025 về việc ***"Ly hôn"***, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 55/2025/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị L, sinh năm 1986 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp Q, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Thành N, sinh năm: 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp Q, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị L trình bày trình bày:***

- *Về mối quan hệ hôn nhân:* Chị L và anh N hôn nhân hình thành là do quen biết, không tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn tại UBND xã H vào ngày 09/6/2016. Sau khi cưới chị và anh N chung sống tại tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Thời gian đầu chị và anh N chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh N không lo chí thú làm ăn nên vợ chồng thường xuyên cự cải, không còn hạnh phúc. Chị L và anh N đã ly thân với nhau từ đầu năm 2024 đến nay.

Nay chị cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh N.

- *Về con chung:* Vợ chồng có 03 con chung gồm Lê Thị Thùy T, sinh ngày 06/10/2008; Lê Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 17/3/2013 và Lê Thanh H, sinh ngày 28/11/2010. Sau khi ly hôn, 03 con chung muốn sống với cha hoặc mẹ thì người đó sẽ trực tiếp nuôi dưỡng và người không nuôi con không phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung; nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Đối với bị đơn anh Nguyễn Thành N:**

- Bị đơn anh N vắng mặt tại phiên Tòa không lý do và không vì sự kiện bất khả kháng, không cung cấp bảng khai ý kiến về các vấn đề của nguyên đơn yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về trình tự, thủ tục tố tụng:

[1.1] Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Quá trình thụ lý vụ án, các tài liệu chứng cứ do đương sự tự giao nộp, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ, các bên đương sự là người đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất tâm thần. Căn cứ vào khoản 2, Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự; vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp phải tham gia phiên tòa.

[1.2] Xét thấy, nguyên đơn chị L có đơn xin xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 228; điểm a, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn. Xét việc bị đơn anh N được triệu tập hợp lệ tham dự phiên hòa giải, thông báo về việc kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và quyết định đưa vụ án ra xét xử đến lần thứ hai, nhưng bị đơn cố tình vắng mặt không có lý do. Xét thấy, có thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn; Hội đồng xét xử, quyết định xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Hội đồng xét thấy, giữa chị L và anh N tuy không có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán nhưng có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuy nhiên, trong quá trình chung sống giữa Chị L và anh N có nhiều mâu thuẫn như: Vợ chồng thường hay cự cãi vì bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Chị L và anh N đã ly thân với nhau từ đầu năm 2024 đến nay từ đó làm ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình.

Tòa án đã triệu tập anh N nhiều lần, để hòa giải nhằm giúp hai bên có thời gian, có cơ hội hàn gắn tình cảm, nhưng anh N cố tình tránh né không đến Tòa án.

Từ đó, cho thấy anh N không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử, xét thấy hôn nhân giữa chị L và anh N đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; nên chị L yêu cầu xin ly hôn với anh N là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị L và anh N 03 con chung gồm Lê Thị Thùy T, sinh ngày 06/10/2008; Lê Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 17/3/2013 và Lê Thanh H, sinh ngày 28/11/2010; Đối với cháu T và H hiện đang sống chung với chị L, đối với cháu P thì đang sống chung với anh N. Sau khi ly hôn, chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu T và cháu H và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con; Đối với cháu P thì chị L đồng ý giao cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và chị L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử nhận thấy: 02 cháu T và H từ nhỏ sống chung với chị L; còn cháu P thì sống chung với anh N ổn định, phát triển bình thường. Do đó, giao cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng cháu T và H; đồng thời giao cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng cháu P là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu giải quyết.

[5] Về nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu giải quyết.

[6] Về án phí sơ thẩm: Chị L phải chịu số tiền án phí là: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; Điều 147 và 238 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 9, 51, 55 và 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao;

Tuyên xử;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Thành N.

2. Về con chung:

Giao cháu Lê Thị Thùy T, sinh ngày 06/10/2008 và Lê Thanh H, sinh ngày 28/11/2010 cho chị Lê Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Giao cháu Lê Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 17/3/2013 cho anh Nguyễn Thành N được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung phải thu, phải trả: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

+ Buộc chị Lê Thị L nộp số tiền là: 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* tiền án phí sơ thẩm về ly hôn; Được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* theo biên lai thu số 0009833 ngày 13/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm, nên chị L không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
THẨM
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
-VKSND huyện Vũng Liêm;
-Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Mỡn